

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ



HAIHACO

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 3. Mục tiêu của Công ty.....	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	8
Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần.....	8
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu.....	9
Điều 7. Mua cổ phần, trái phiếu.....	10
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	11
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	12
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông.....	12
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.....	13
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền.....	16
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 17. Triệu tập ĐHĐ cổ đông, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ	18
Điều 18. Nội dung, cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 20. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 21. Thành phần và nhiệm kì.....	24
Điều 22. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 23. Chủ tịch HĐQT.....	27
Điều 24. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.....	28
Điều 25. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	31
Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý.....	31
Điều 27. Cán bộ quản lý.....	31
Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc.....	31
Điều 29. Thư ký Công ty.....	33
CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	33
Điều 30. Trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lí.....	33
Điều 31. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	34

Điều 32. Trách nhiệm và bồi thường.....	34
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	35
Điều 33. Bổ nhiệm Ban kiểm soát.....	35
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 34. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	37
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ	37
Điều 35. Công nhân viên và các tổ chức chính trị.....	37
CHƯƠNG XIII. CỔ TỨC VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	38
Điều 36. Cổ tức và phân chia lợi nhuận.....	38
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	39
Điều 37. Tài khoản Ngân hàng.....	39
Điều 38. Năm tài khoá.....	39
Điều 39. Hệ thống kế toán.....	39
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	40
Điều 40. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	40
Điều 41. Công bố và thông báo thông tin.....	40
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN	41
Điều 42. Kiểm toán Công ty.....	41
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	41
Điều 43. Con dấu.....	41
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	41
Điều 44. Chấm dứt hoạt động.....	41
Điều 45. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	42
Điều 46. Gia hạn hoạt động	42
Điều 47. Thanh lý.....	42
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	43
Điều 48. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	43
CHƯƠNG XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 49. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	43
CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC	44
Điều 50. Ngày hiệu lực.....	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà (dưới đây gọi là “Công ty”). Điều lệ, các qui định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với qui định của pháp luật là những qui tắc, qui định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi cổ đông của Công ty theo nghị quyết được thông qua hợp lệ tại kỳ ĐHĐCĐ tổ chức vào ngày 26 tháng 03 năm 2016. Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty, nội dung gồm 21 chương và 50 điều dưới đây.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

- 1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này qui định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được qui định dưới đây :
 - 1.1.1 Trong Điều lệ này các từ viết tắt sau đây có ý nghĩa sau:
 - HĐQT: Hội đồng quản trị công ty
 - ĐKDN: Đăng ký doanh nghiệp
 - CBCNV: Cán bộ công nhân viên
 - UBCKNN: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
 - BKS: Ban kiểm soát
 - TNDN: Thu nhập doanh nghiệp
 - 1.1.2 “**Công ty**” là Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà có Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 0101444379 và đăng ký lần đầu ngày 20/01/2004.
 - 1.1.3 “**Địa bàn kinh doanh**” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - 1.1.4 “**Vốn Điều lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và qui định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - 1.1.5 “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - 1.1.6 “**Luật Chứng khoán**” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010.
 - 1.1.7 “**Ngày Thành lập**” là ngày mà Công ty được Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - 1.1.8 “**Pháp luật**” là tất cả các văn bản qui định pháp luật đã được ban hành.
 - 1.1.9 “**Cán bộ quản lý**” có nghĩa là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các trưởng; phó phòng ban nghiệp vụ, xí nghiệp, nhà máy, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
 - 1.1.10 “**Người có liên quan**” của Công ty là cá nhân hoặc tổ chức được qui định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp và Điều 6.34 của Luật Chứng khoán, gồm có:
 - 1.1.10.1 Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó;
 - 1.1.10.2 Công ty con;

- 1.1.10.3 Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
- 1.1.10.4 Cán bộ quản lý;
- 1.1.10.5 Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cán bộ quản lý hoặc của cổ đông sở hữu cổ phần chi phối;
- 1.1.10.6 Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm 1.1.10.1, 1.1.10.2, 1.1.10.3, 1.1.10.4, 1.1.10.5 khoản này;
- 1.1.10.7 Tổ chức trong đó những người, công ty quy định tại các điểm 1.1.10.1, 1.1.10.2, 1.1.10.3, 1.1.10.4, 1.1.10.5, 1.1.10.6 và 1.1.10.8 khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở tổ chức đó;
- 1.1.10.8 Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.
- 1.1.10.9 Cá nhân là nhân viên của Công ty có sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
- 1.1.10.10. Người mà đại diện cho Công ty hoặc cá nhân, tổ chức mà Công ty là người đại diện trong quan hệ hợp đồng.
- 1.1.11 “**Cổ đông**” có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu ít nhất 01 cổ phần đã phát hành của công ty.
- 1.1.12 “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- 1.1.13 “**Thời hạn hoạt động**” là thời hạn hoạt động của Công ty như được qui định tại Điều 2.5 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 1.1.14 “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.2 Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
- 1.3 Các tiêu đề được sử dụng để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.
- 1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

- 2.1 Tên hợp pháp của Công ty bằng Tiếng Việt là:
CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
Tên giao dịch hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh:
HAIHA CONFECTIONERY JOINT - STOCK COMPANY
Tên viết tắt của Công ty: **HAIHACO.**
Hình ảnh biểu trưng của Công ty:



HAIHACO

- 2.2 Trụ sở đăng ký của Công ty:
Trụ sở chính : 25 – 27 đường Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội;
Điện thoại : 04-38632956;
Fax : 04-38631683;
Email : haihaco@hn.vnn.vn;
Website : <http://www.haihaco.com.vn>;
Chi nhánh Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà tại TP. Hồ Chí Minh:
Lô 27, đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh;
Chi nhánh Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà tại TP. Đà Nẵng:
134 Phan Thanh, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.
- 2.3 Tổng giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 2.4 Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại Địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.
- 2.5 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 44.2 và 45 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 46 của Điều lệ này, Thời hạn của Công ty là 50 năm kể từ Ngày thành lập.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu của Công ty

3.1 Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất đường;
- Sản xuất ca cao, sôcôla và mút kẹo;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - + Sản xuất các sản phẩm cà phê;
 - + Rang và lọc cà phê;
 - + Sản xuất các chất thay thế cà phê;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn cà phê;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết:
 - + Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mút, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - + Bán lẻ thực phẩm khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh như: cà phê bột, cà phê hoà tan;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Sản phẩm chính:

- Bánh kẹo các loại;
- Các sản phẩm khác thuộc ngành nghề kinh doanh đã đăng ký.

3.2 Mục tiêu của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về sản phẩm bánh kẹo và các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định cho người lao động; Tăng cổ tức cho các cổ đông; Đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty.

3.3 Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải chấp thuận của cơ quan quản lý thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.4 Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác đối với chủ quản lý phần vốn nhà nước theo đúng qui định của Luật Doanh nghiệp.

3.5 Nguyên tắc hoạt động của Công ty:

Công ty hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- + Tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, tôn trọng và tuân thủ Pháp luật;
- + Kinh doanh trung thực, có kỹ năng, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm;
- + Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông;
- + Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT và BKS của Công ty;
- + Điều hành hoạt động Công ty là Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm, giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó tổng giám đốc.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 4.1 Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Điều lệ này phù hợp với qui định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- 4.2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được Pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn Điều lệ, Cổ phần

- 5.1 Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ.
Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được qui định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.
- 5.2 Vào ngày thông qua Điều lệ này Vốn Điều lệ của Công ty là 82.125.000.000 đồng Việt nam (tám mươi hai tỷ một trăm hai lăm triệu đồng);
Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 8.212.500 (tám triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.
- 5.3 Công ty có thể tăng Vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các qui định của Pháp luật.
- 5.4 Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỉ lệ tương ứng với tỉ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn 21 ngày) để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ phi các cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

- 5.5 Công ty có thể mua cổ phần của mình theo những hình thức qui định tại Luật doanh nghiệp và các luật liên quan.
- 5.6 Công ty có thể phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và quyền mua cổ phần. Trong đó trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo những điều kiện nhất định; quyền mua cổ phần là quyền ưu tiên dành cho các cổ đông hiện tại của Công ty được mua một lượng cổ phần trong đợt phát hành cổ phiếu phổ thông mới tương ứng với tỷ lệ nắm giữ cổ phần hiện có của họ.
- 5.7 Các loại cổ phần:
Vào thời điểm đăng ký kinh doanh, Công ty có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông. Cổ phiếu của cổ phần phổ thông là cổ phiếu ghi danh. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể phát hành thêm các loại cổ phần theo qui định của pháp luật và của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

Công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

- + Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
- + Cổ phần ưu đãi cổ tức;
- + Cổ phần ưu đãi hoàn lại;

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

- 6.1 Cổ đông sở hữu cổ phần chưa lưu ký của Công ty đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định, trừ trường hợp qui định tại Khoản 6.7 Điều này.
- 6.2 Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các qui định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, mệnh giá cổ phần, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp qui định. Một chứng chỉ Cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.
- 6.3 Theo các qui định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ trong vòng 02 tháng sau khi mua hoặc chuyển nhượng hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành qui định.
- 6.4 Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
- 6.5 Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh, thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

- 6.6 Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.
- 6.7 Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 7. Mua cổ phần, trái phiếu

- 7.1. Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam và phải được thanh toán đủ một lần. Giá trị quyền sở hữu trí tuệ được sử dụng để góp vốn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- 7.2. Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được Hội đồng quản trị và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn thực hiện theo quy định tại Điều 36.1 và 36.3 Luật Doanh nghiệp

Điều 8. Chuyển nhượng Cổ phần

- 8.1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 8.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
- 8.3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.
- 8.4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

- 8.5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.
- 8.6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- 8.7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật về chứng khoán chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm do Trung tâm lưu ký chứng khoán quy định.

Điều 9. Thu hồi Cổ phần

- 9.1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo qui định.
- 9.2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
- 9.3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo qui định dưới đây và trong các trường hợp khác được qui định tại Điều lệ này.
- 9.4. Cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một người nào đó chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ một người nào khác.
- 9.5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỉ lệ do Hội đồng quản trị quyết định kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

- 9.6 Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm :

- 10.1. Đại hội đồng cổ đông;
- 10.2. Hội đồng quản trị;
- 10.3. Tổng giám đốc;
- 10.4. Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ đông phổ thông

- 11.1 Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
- 11.1.1 Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty qui định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - 11.1.2 Được nhận cổ tức với mức theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 11.1.3 Được ưu tiên mua cổ phần mới phát hành tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang sở hữu;
 - 11.1.4 Được tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ Công ty và phù hợp với các qui định của pháp luật;
 - 11.1.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - 11.1.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - 11.1.7 Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông khác theo qui định của pháp luật;
 - 11.1.8 Các quyền khác theo qui định của của Luật Doanh nghiệp.
- 11.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên có các quyền sau:
- 11.2.1 Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo qui định tương ứng tại Điều 21.3 và 33.4 Điều lệ này;

- 11.2.2 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- 11.2.3 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp qui định tại khoản 11.3 Điều này;
- 11.2.4 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lí, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số Đăng kí doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng kí cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỉ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- 11.2.5 Các quyền khác theo qui định của của Luật Doanh nghiệp.
- 11.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Khoản 11.2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- 11.3.1 Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lí hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- 11.3.2 Nhiệm kì của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- 11.3.3 Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số Đăng kí doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng kí cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỉ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lí do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- 11.4 Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được qui định tại Điều 11.2.1. Điều này được thực hiện như sau:
- 11.4.1 Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện qui định đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- 11.4.2 Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Khoản 11.2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12 Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

- 12.1 Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo qui định và cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

- 12.2 Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế của Công ty.
- 12.3 Chấp hành Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 12.4 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật hiện hành.
- 12.5 Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - 12.5.1 Vi phạm pháp luật;
 - 12.5.2 Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - 12.5.3 Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
- 12.6 Bảo vệ và không được làm bất cứ điều gì gây thiệt hại cho uy tín, lợi ích, tài sản của Công ty; giữ bí mật các thông tin của Công ty (chi tiết như trong qui định về bảo mật thông tin của Công ty).
- 12.7 Cổ đông lớn có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 13 Đại hội đồng cổ đông

- 13.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 13.2 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 13.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - 13.3.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - 13.3.2 Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo qui định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - 13.3.3 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Điều 11.2 của Điều lệ này;
 - 13.3.4 Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - 13.3.5 Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 6 tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh Vốn điều lệ bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
 - 13.3.6 Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật.
- 13.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như qui định tại điểm 13.3.2 hoặc nhận được yêu cầu qui định tại Điểm 13.3.3 và Điểm 13.3.4 Điều lệ này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như qui định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- 13.5 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 13.4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định của Luật Doanh nghiệp.
Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như qui định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
- 13.6 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định tại Khoản 13.5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Điều 11.2 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định của Luật Doanh nghiệp.
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng kí kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- 13.7 Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo qui định của Luật Doanh nghiệp.
- 13.8 Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định tại các Khoản 13.4, 13.5 và 13.6 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 14 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 14.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- 14.1.1 Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - 14.1.2 Báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm;
 - 14.1.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - 14.1.4 Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - 14.1.5 Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - 14.1.6 Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - 14.1.7 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền
- 14.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản các vấn đề sau:
- 14.2.1 Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - 14.2.2 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - 14.2.3 Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - 14.2.4 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;

- 14.2.5 Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - 14.2.6 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - 14.2.7 Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - 14.2.8 Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và thông qua việc HĐQT bổ nhiệm TGD điều hành vào kỳ Đại hội sau
 - 14.2.9 Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, BKS;
 - 14.2.10 Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - 14.2.11 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - 14.2.12 Quyết định đầu tư, bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - 14.2.13 Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần hoặc cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đã phát hành;
 - 14.2.14 Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được qui định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - 14.2.15 Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - 14.2.16 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - 14.2.17 Chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - 14.2.18 Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - 14.2.19 Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và qui định của pháp luật.
- 14.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- 14.3.1 Các hợp đồng qui định tại Khoản 14.2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - 14.3.2 Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khờp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch chứng khoán.
- 14.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15 Các đại diện được ủy quyền

- 15.1 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo Luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Tổ chức là cổ đông của Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định cụ thể số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện thì số cổ phần được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
- 15.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo qui định sau đây:

- 15.2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- 15.2.2 Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (là tổ chức) là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- 15.2.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 15.3 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 15.4 Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - 15.4.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
 - 15.4.2 Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền hoặc;
 - 15.4.3 Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên 48 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16 Thay đổi các quyền

- 16.1 Các quyết định của ĐHĐCĐ (trong các trường hợp qui định tại Điều 14.2 Điều lệ này liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
- 16.2 Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
- 16.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng như vậy được thực hiện tương tự với các qui định tại Điều 17 và 18 Điều lệ này.
- 16.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

- 17.1 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp qui định tại Điều 13.5 hoặc 13.6 Điều lệ này.
- 17.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- 17.2.1 Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội, chương trình họp và các tài liệu theo qui định phù hợp với Luật pháp và các qui định của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp đại hội;
- 17.2.2 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- 17.2.3 Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- 17.3 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- 17.4 Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
- 17.4.1 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, bao gồm thông tin liên quan để các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên);
- 17.4.2 Mẫu phiếu biểu quyết;
- 17.4.3 Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
Tài liệu họp sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, và trong thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu. Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông có yêu cầu bằng văn bản.
- 17.5 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.2 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- 17.5.1 Đề xuất phải được làm bằng văn bản và được gửi đến Công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng, thời gian nắm giữ cổ phần, loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 17.5.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất trên trong các trường hợp sau:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- 17.5.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 17.5.1 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 17.5.2 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 17.6 Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

Điều 18 Nội dung, cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông

18.1 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 18.1.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- 18.1.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- 18.1.3 Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
- 18.1.4 Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo qui định tại Điều 17.4 của Điều lệ này.

18.2 Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 18.2.1 Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.
- 18.2.2 Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp. Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa hoặc số hóa để việc biểu quyết và/hoặc kiểm phiếu có thể được thực hiện trên phần mềm máy tính hoặc phương tiện công nghệ, kỹ thuật số.
- 18.2.3 Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- 18.2.4 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 18.2.5 Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- 18.2.6 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- 18.2.7 Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
- 18.2.8 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 18.2.9 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
- 18.2.10 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 18.2.9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

18.3 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 18.3.1 Trừ trường hợp qui định tại Điểm 18.3.2 và 18.3.3 Điều này, tất cả các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- 18.3.2 Trừ trường hợp qui định tại Điều 46.2 và 49.1 Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến nội dung sau đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 18.3.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 18.4.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- 18.4.2 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- 18.4.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 18.4.4 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 18.4.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông và công bố thông tin trong thời hạn 24h kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

18.4.6 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

18.5 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

18.5.1 Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 Điều lệ này có quyền yêu cầu tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 20.2 Điều lệ này.
- Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

18.5.2 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 18.5.1 Điều này, thì các quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

18.5.3 Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Tòa án hoặc Trọng tài ra quyết định hủy bỏ. Trình tự thủ tục tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông thực hiện như tổ chức đại hội lần đầu với các điều kiện quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Điều 19 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo qui định sau:

19.1 HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 14 Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.

19.2 HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng thư bảo đảm đến địa chỉ liên hệ của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến.

19.3 Nội dung của phiếu lấy ý kiến:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKDN, nơi ĐKDN của công ty;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, giấy CMND hoặc hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, giấy CMND, hộ

chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

19.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

19.5 HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKDN, nơi ĐKDN của công ty;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các quyết định đã được thông qua;
- Họ tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

19.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu và các quyết định đã được thông qua phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

19.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

19.8 Quyết định của cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20 Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 20.1 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 20.2 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
- 20.3 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18.5 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- 20.4 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông và công bố thông tin trong thời hạn 24h kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21 Thành phần và nhiệm kỳ

- 21.1 Số thành viên của Hội đồng quản trị ít nhất là năm người và nhiều nhất là bảy người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành không quá năm năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT và thành viên HĐQT không điều hành phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Pháp luật có liên quan.
- 21.2 Các thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỉ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
- 21.3 Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử 01 thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 thành viên, từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 thành viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 thành viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- 21.4 Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty qui định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

- 21.5 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- 21.5.1 Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo qui định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - 21.5.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - 21.5.3 Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - 21.5.4 Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - 21.5.5 Thành viên đó bị bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 21.6 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
- 21.7 Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 22 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 22.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- 22.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
- 22.3 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các qui chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- 22.3.1 Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - 22.3.2 Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - 22.3.3 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành, phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, người đại diện quản lý phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc người đại diện của Công ty khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

- 22.3.4 Quyết định phương án đầu tư hoặc dự án đầu tư tài sản có giá trị lớn hơn 05 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 22.3.5 Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - 22.3.6 Đề xuất cơ cấu tổ chức của Công ty; Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
 - 22.3.7 Đề xuất mức cổ tức được trả hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - 22.3.8 Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó.
- 22.4 Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- 22.4.1 Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - 22.4.2 Thành lập các công ty con của Công ty;
 - 22.4.3 Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh), trừ trường hợp quy định tại Khoản 14.2.12 Điều 14 Điều lệ này;
 - 22.4.4 Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và Luật sư của Công ty;
 - 22.4.5 Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty (với các khoản vay có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất);
 - 22.4.6 Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - 22.4.7 Việc định giá và giá trị các tài sản góp vốn quy định tại Điều 7.1 Điều lệ này vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty;
 - 22.4.8 Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - 22.4.9 Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - 22.4.10 Quyết định mức giá thu mua hoặc thu hồi cổ phần;
 - 22.4.11 Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 05 tỷ đồng Việt nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách hàng năm.
- 22.5 Hội đồng quản trị phải báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
- 22.6 Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty trừ khi luật pháp qui định khác.

- 22.7 Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc nếu không thoả thuận được thì chia đều.
- 22.8 Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 22.9 Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ chủ tịch hoặc phó chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 22.10 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm tất cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23 Chủ tịch HĐQT

- 23.1 Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc Công ty. Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 23.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- 23.2.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 23.2.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- 23.2.3 Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- 23.2.4 Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- 23.2.5 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- 23.2.6 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
- 23.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
- 23.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi miễn thì Hội đồng quản trị phải bầu người khác trong Hội đồng quản trị để thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi miễn.

Điều 24 Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

- 24.1 Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
- 24.2 Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền nhận được thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
- 24.3 Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nữa. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên được tái bổ nhiệm.
- 24.4 Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- 24.5 Ngoài những qui định khác đã được nêu trong Điều lệ này, một thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị về mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 25 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 25.1 Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được thực hiện trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập hoặc các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 25.2 **Các cuộc họp thường kỳ:** Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

- 25.3 **Các cuộc họp bất thường:** Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 5 cán bộ quản lý;
 - Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Đa số thành viên trong ban kiểm soát;
- 25.4 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 25.3 Điều này phải được tiến hành trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến tại Khoản 25.3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 25.5 Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 25.6 **Địa điểm họp.** Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 25.7 **Thông báo và Chương trình họp.** Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
- 25.8 **Số thành viên tham dự tối thiểu.** Cuộc họp HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
- 25.9 **Biểu quyết**
- 25.9.1 Trừ qui định tại Điểm 25.9.2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết;
- 25.9.2 Thành viên Hội đồng không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- 25.9.3 Theo qui định tại Điểm 25.9.4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- 25.9.4 Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- 25.10 **Công khai lợi ích.** Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
- 25.11 **Biểu quyết đa số.** Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
- 25.12 **Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.** Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau. Việc trao đổi giữa các thành viên được thực hiện trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.
- 25.13 **Nghị quyết bằng văn bản.** Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:
- 23.13.1 Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- 23.13.2 Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo qui định để tiến hành họp Hội đồng quản trị;
- 23.13.3 Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

- 25.14 **Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.** Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Hội đồng quản trị quy định số lượng, thành phần của thành viên trong tiểu ban, chức năng, nhiệm vụ, cách thức tổ chức, hoạt động của tiểu ban. Trường hợp Công ty không thành lập tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị phụ trách riêng về vấn đề lương thưởng, nhân sự, và vấn đề khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 26 Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý phải chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, một hoặc một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 27 Cán bộ quản lý

- 27.1 Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 27.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với các chức danh khác do Tổng giám đốc quyết định và thông báo cho Hội đồng quản trị biết.

Điều 28 Bổ nhiệm, miễn nhiệm nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

- 28.1 **Bổ nhiệm:** Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng qui định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 28.2 **Nhiệm kỳ:** Theo Điều 23 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch HĐQT. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm.
- 28.3 **Tiêu chuẩn Tổng giám đốc:**

- Tốt nghiệp đại học;
 - Có năng lực quản lý điều hành doanh nghiệp, có kinh nghiệm và kiến thức kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề chính của Công ty;
 - Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo qui định của pháp luật.
- 28.4 Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- 28.4.1 Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 28.4.2 Quyết định tất cả các vấn đề không cần thiết phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- 28.4.3 Kiến nghị đề HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức lương và các lợi ích khác của họ;
- 28.4.4 Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Giám đốc các chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện trong và ngoài nước sau khi có ý kiến chấp thuận của HĐQT.
Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các cán bộ quản lý dưới quyền còn lại.
- Quyết định mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động;
 - Tuyển dụng lao động;
 - Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 28.4.5 Lập các dự án đầu tư và các báo cáo quyết toán trình Hội đồng Quản trị phê duyệt đối với các Dự án có giá trị trên 05 tỷ đồng; Phê duyệt các dự án đầu tư, kế hoạch đầu thầu và quyết toán các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc thấp hơn 05 tỷ đồng;
- 28.4.6 Vào ngày 31 tháng 10 hằng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;
- 28.4.7 Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- 28.4.8 Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
- 28.4.9 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được đệ trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin qui định tại các qui chế của Công ty;
- 28.4.10 Thực hiện các hoạt động khác theo các qui chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và Pháp luật.
- 28.5 Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các cấp này khi được yêu cầu.
- 28.6 Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của

Tổng giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 29 Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các qui định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể bổ nhiệm một hay hai trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- 29.1 Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- 29.2 Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- 29.3 Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- 29.4 Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- 29.5 Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- 29.6 Lập biên bản các cuộc họp.
- 29.7 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin tài chính cho thành viên HĐQT hoặc BKS.
- 29.8 Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 30 Trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 31 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 31.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
- 31.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
- 31.3 Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan đến các thành viên nêu trên hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 31.4 Không một thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 32 Trách nhiệm và bồi thường

- 32.1 Trách nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 32.2 Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty (hay Công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của

Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 33 Bổ nhiệm ban kiểm soát

- 33.1 Số lượng Kiểm soát viên trong Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 33.2 Tiêu chuẩn lựa chọn Kiểm soát viên
- Tốt nghiệp Đại học;
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý và thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;
 - Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam;
 - Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
 - Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong Công ty
 - Kiểm soát viên không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
- 33.3 Kiểm soát viên có quyền hạn và trách nhiệm theo qui định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- 33.3.1 Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- 33.3.2 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- 33.3.3 Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp với công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- 33.3.4 Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình lên Hội đồng quản trị;
- 33.3.5 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- 33.3.6 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

- 33.3.7 Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- 33.3.8 Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- 33.4 Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên tương ứng với số thành viên Ban kiểm soát cần bầu.
Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử này phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 33.5 Hội đồng quản trị, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.
- 33.6 Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- 33.6.1 Triệu tập cuộc họp ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
- 33.6.2 Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của ban kiểm soát;
- 33.6.3 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
- 33.6.4 Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, Trưởng ban kiểm soát có thể ban hành các qui định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được họp ít hơn hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tham dự phải chiếm đa số.
- 33.7 Tổng mức thù lao cho các thành viên ban kiểm soát sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Đại hội cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 33.8 Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- 33.8.1 Bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- 33.8.2 Từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- 33.8.3 Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;

- 33.8.4 Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 12 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống;
- 33.8.5 Bị bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 33.8.6 Không còn đủ tiêu chuẩn theo Khoản 33.2 Điều này;
- 33.8.7 Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; hoặc không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 34 Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 34.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 21.3 và 33.2 đều có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
- 34.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 34.3 Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các qui chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo qui định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ

Điều 35 Công nhân viên và các tổ chức chính trị

- 35.1 Tổng giám đốc sẽ phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỉ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách qui định tại Điều lệ này, các qui chế của Công ty và pháp luật.

- 35.2 Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM và các tổ chức chính trị khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức đó. Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

CHƯƠNG XIII CỔ TỨC VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 36 Cổ tức và phân chia lợi nhuận

- 36.1 Phương pháp phân chia lợi nhuận để tính cổ tức:
 Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành đối với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:
 $Lợi\ nhuận\ gộp = Tổng\ thu\ nhập - Tổng\ chi\ phí$
 $Lợi\ nhuận\ sau\ thuế\ TNDN = Lợi\ nhuận\ gộp - Thuế\ thu\ nhập\ doanh\ nghiệp$
 Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty được dự kiến phân chia như sau:

% Lợi nhuận sau thuế TNDN	Mục đích
Từ (5% ÷ 60%)	Để lập quỹ đầu tư phát triển sản xuất Công ty.
Từ (5 % ÷ 15%)	Để lập quỹ khen thưởng – phúc lợi cho người lao động trong Công ty.
Từ (20% ÷ 75 %)	Là cổ tức được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

- 36.2 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo qui định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 36.3 Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có qui định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỉ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
- 36.4 Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác phải trả cho một cổ phiếu.
- 36.5 HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi tên công ty, tên

và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần của cổ đông, tổng số cổ tức được nhận, thời điểm trả cổ tức.

- 36.6 Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 37 Tài khoản ngân hàng

- 37.1 Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 37.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các qui định của pháp luật, nếu cần thiết.
- 37.3 Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và hạch toán kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 38 Năm tài khoá

Năm tài khoá của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 39 Hệ thống kế toán

- 39.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt nam do Bộ Tài chính ban hành đồng thời tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

- 39.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 39.3 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 40 Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

- 40.1 Công ty phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo qui định của pháp luật cũng như các qui định của UBCKNN và phải được kiểm toán theo qui định tại Điều 42 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 40.2 Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, Bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
- 40.3 Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các qui định của UBCKNN và nộp cho UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán.
- 40.4 Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và hàng quý phải được thông báo tới tất cả các cổ đông và được công bố trên website của công ty.
- 40.5 Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 41 Công bố và thông báo thông tin

- 41.1 Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những qui định của UBCKNN và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các qui định của Luật Doanh nghiệp.
- 41.2 Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 41.3 Người công bố thông tin: Công ty chỉ định Tổng giám đốc là người công bố thông tin của Công ty.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN

Điều 42 Kiểm toán Công ty

- 42.1 Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán cho Công ty sau khi được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
- 42.2 Công ty sẽ phải lập và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
- 42.3 Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
- 42.4 Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- 42.5 Kiểm toán viên sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 43 Con dấu

- 43.1 Hội đồng quản trị sẽ thông qua số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu chính thức của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và con dấu được khắc theo qui định của Pháp luật.
- 43.2 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo qui định của pháp luật.

Chương XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 44 Chấm dứt hoạt động

- 44.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
- 44.1.1 Khi kết thúc thời hạn hoạt động và thời gian gia hạn hoạt động của Công ty;

- 44.1.2 Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo qui định của Pháp luật hiện hành;
 - 44.1.3 Giải thể trước thời hạn, nếu tại Đại hội đồng cổ đông có số cổ đông nắm giữ ít nhất 75% số cổ phần có quyền bỏ phiếu bỏ phiếu chấp thuận giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty;
 - 44.1.4 Các trường hợp khác do pháp luật qui định.
- 44.2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục bắt buộc.

Điều 45 Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có qui định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà án để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

- 45.1 Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo qui định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- 45.2 Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo qui định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- 45.3 Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 46 Gia hạn hoạt động

- 46.1 Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- 46.2 Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc uỷ quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

Điều 47 Thanh lý

- 47.1 Ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập ban thanh lý gồm ba thành viên trong đó hai do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các qui chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 47.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, ban thanh lý sẽ thay

mặt Công ty trong các tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước toà án và các cơ quan hành chính.

47.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

47.3.1 Các chi phí thanh lý;

47.3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

47.3.3 Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho nhà nước;

47.3.4 Các khoản vay (nếu có);

47.3.5 Các khoản nợ khác của công ty;

47.3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (45.3.1) đến (45.3.5) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 48 Giải quyết tranh chấp nội bộ

48.1 Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các qui định giữa:

- Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
- Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý khác.

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tế liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập đảm nhận tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

48.2 Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án kinh tế.

48.3 Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 49 Bổ sung và sửa đổi điều lệ

49.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Việc sửa đổi chỉ có thể được thực hiện nếu có số cổ đông nắm giữ ít nhất 75% số cổ phần có quyền bỏ phiếu hoặc uỷ quyền bỏ phiếu thông qua.

- 49.2 Trong trường hợp có những qui định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những qui định mới của pháp luật khác khác với những điều khoản trong điều lệ này thì qui định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XXI HIỆU LỰC

Điều 50 Ngày hiệu lực

- 50.1 Điều lệ này gồm 21 chương và 50 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà nhất trí thông qua ngày 26 tháng 03 năm 2016 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- 50.2 Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, được lưu giữ tại trụ sở Công ty và sao gửi cho các Cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.
- 50.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 50.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị hoặc của người đại diện theo pháp luật mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Hồng Thanh